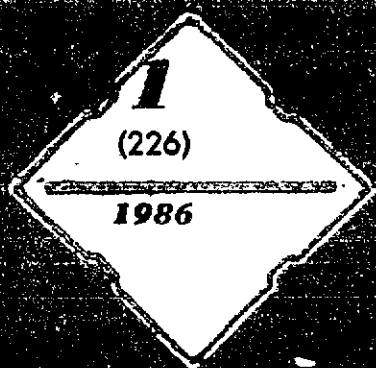


NGHIÊN CỨU LỊCH SỬ



VIỆN SỬ HỌC
ĐẠNG KHOA HỌC
XÃ HỘI VIỆT NAM

PHONG TRÀO CẦN VƯƠNG CHỐNG PHÁP Ở MIỀN NÚI THANH—NGHỆ CUỐI THẾ KỶ XIX

NGUYỄN VĂN KHÁNH

TRÊN Tạp chí « Dân tộc học » chúng tôi đã giới thiệu về phong trào chống Pháp của đồng bào miền tây Nghệ Tĩnh⁽¹⁾. Trong bài viết này, chúng tôi muốn mở rộng hơn nhằm nêu bật những đóng góp cụ thể và to lớn của nhân dân các dân tộc miền núi Thanh Hóa và Nghệ Tĩnh trong phong trào Cần vương chống thực dân Pháp xâm lược, bảo vệ quê hương, giữ vững nền độc lập dân tộc vào cuối thế kỷ XIX.



Về mặt địa lý, vùng núi hai tỉnh Thanh—Nghệ có địa thế liên kề bên nhau và đều có chung đường biên giới với nước Lào ở phía tây. Địa hình ở khu vực này rất phức tạp, hiểm trở, sông suối, núi non trùng điệp. Từ vùng núi Nghệ Tĩnh có thể ra Bắc qua con đường miền tây Thanh Hóa; hoặc từ Thanh Hóa có thể tiến vào phía Nam bằng đường núi Nghệ Tĩnh mà không cần phải xuyên xuống đồng bằng. Trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (thế kỷ XV), Lê Lợi đã từng cho nghĩa quân rút khỏi miền núi Thanh Hóa vào buổi đầu mới nhen nhóm phong trào để tránh nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn, tạo điều kiện tiếp tục xây dựng, củng cố và phát triển lực lượng, chuẩn bị thực hiện chủ trương chiến lược tiến công ra Bắc. Như vậy là về mặt quân sự, miền núi Thanh—Nghệ là một địa bàn chiến lược, có thể ỷ thế vào nhau, hỗ trợ cho nhau, mỗi vùng vừa là hậu cứ, vừa là đường tiến quân khi cần thiết.

Sinh sống trên vùng núi Thanh—Nghệ đại bộ phận là các dân tộc thiểu số như Thái, Mường..., và một số người Kinh ở miền xuôi lên khai hoang. Để xây dựng và bảo vệ cuộc sống của mình, họ vừa phải tìm cách thích nghi với những điều kiện khắc nghiệt của thiên nhiên, vừa phải thường xuyên khai hoang và chống lại ách áp bức, bóc lột của bọn phong kiến, chúa tể. Chính hoàn cảnh tự nhiên và xã hội nghiệt ngã ấy đã sớm hun đúc cho đồng bào các dân tộc miền núi Thanh—Nghệ truyền thống đoàn kết, cần cù lao động, dũng cảm, ngoan cường trong xây dựng và bảo vệ bản mường. Những câu chuyện dân gian như « Đi giết rồng phun nước », « Đi giết cây nước trời », « Bắn mặt trời », của đồng bào miền núi Nghệ Tĩnh chính là sự phản ánh sức mạnh cải tạo thiên nhiên để duy trì cuộc sống thanh bình. Truyện « Long nương » nói về nguồn gốc giống nòi, truyện « Đẻ đất đẻ nước », truyện « Phả Đạm » phản ánh trận đại hồng thủy ở miền núi Nghệ An, truyện « Giặc Xá » kể về truyền thống chống ngoại xâm của người Thái, v.v., là một nguồn tư liệu dân gian phong phú giúp cho chúng ta hiểu sâu hơn về truyền thống và bản sắc của các dân tộc miền núi Thanh—Nghệ.

Giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta và từng bước

(1) Nguyễn Văn Khánh—« Đồng bào Thái Nghệ Tĩnh trong phong trào chống Pháp cuối thế kỷ XIX », Dân tộc học số 4-1981.

chiếm cứ 6 tỉnh Nam Kỳ. Rồi sau hai bản hàng ước của Triều đình Huế, đến năm 1884 về cơ bản nước Việt Nam đã trở thành thuộc địa của đế quốc Pháp. Không chịu ngồi yên cho quân thù tiêu diệt, một số sĩ phu, văn thân yêu nước đứng đầu là Tôn Thất Thuyết đã chủ động tổ chức cuộc tấn công vào giặc Pháp ở Kinh thành Huế đêm 4-7-1885. Cuộc nổi dậy thất bại, Tôn Thất Thuyết phải đưa vua Hàm Nghi cùng đoàn tùy tùng ra khỏi Kinh đô, ban chiếu Cần vương kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp.

Bị bất ngờ trước cuộc tấn công của phe kháng chiến, bọn Pháp hơi lúng túng; nhưng ngay sau đó chúng đã kịp thời chấn chỉnh lực lượng, dẹp tan cuộc khởi nghĩa, đồng thời cho quân đuổi bắt Hàm Nghi, mở đường tiến quân ra Bắc hòng thực hiện kế hoạch thôn tính chớp nhoáng cả nước Việt Nam. Cuối tháng 7 năm 1885 Pháp đổ bộ lên tỉnh Quảng Bình, nhưng chỉ mới chiếm được Đồng Hới. Giữa tháng 8-1885 Đại tá Sô-mông (Chaumont) được lệnh đem quân từ Đà Nẵng theo đường thủy ra chiếm tỉnh lỵ Nghệ An. Ngày 22-11-1885 Thiếu tá My-nhô (Mignot) kéo quân từ Ninh Bình vào định hợp quân với Sô-mông; và đã tới Thanh Hóa ngày 25-11-1885. Ở những nơi quân Pháp kéo đến, bọn quan lại địa phương đều hoảng loạn và nhanh chóng dâng thành nộp đất cho giặc.

Trái với thái độ sợ sệt, đầu hàng của vua quan triều Nguyễn, nhân dân ta ở khắp nơi đã anh dũng đứng lên, tự động tổ chức các đội dân binh chặn địch trên đường tiến quân và chuẩn bị kháng chiến lâu dài.

So với các địa phương khác trong cả nước thì Thanh Hóa và Nghệ Tĩnh cũng là những tỉnh mà phong trào Cần vương nở rộ sớm và kéo dài nhất.

Tại Thanh Hóa, ngay sau khi chiếu Cần vương ban ra lần thứ nhất (13-7-1885), các sĩ phu đã mau chóng bàn bạc và nhất trí chọn Ba Đình (thuộc huyện Nga

Sơn) làm địa bàn chống Pháp trọng yếu nhất trong tỉnh do Phạm Bành, Đinh Công Tráng chỉ huy.

Ngoài căn cứ Ba Đình, nghĩa quân còn có căn cứ Mã Cao, một căn cứ có vị trí hiểm yếu ở phía tây bắc Ba Đình do Hà Văn Mao, Cầm Bá Thước, Nguyễn Khế phụ trách. Căn cứ này được xây dựng dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở, có đường xuyên sang Lào. Hệ thống công sự ở đây lại khá dày đặc, trải dài trên một khu vực rộng 3 km. Đó là căn cứ quan trọng thứ hai sau Ba Đình, nằm ở vùng thượng du, có tác dụng hỗ trợ và làm nơi bảo toàn lực lượng, tiếp tục chiến đấu khi tình thế buộc nghĩa quân phải rút khỏi căn cứ chính.

Ngoài các căn cứ trên, còn phải kể tới một số vị trí đóng quân và khu vực hoạt động của các thủ lĩnh khác như Tống Duy Tân ở Bồng Trung, Cầm Bá Thước ở Thường Xuân, v.v...

Tại miền núi Thanh Hóa, vào năm 1886 trên đường sang Trung Quốc cầu viện, Tôn Thất Thuyết đã gặp Hà Văn Mao và Cầm Bá Thước⁽¹⁾ để bàn bạc kế hoạch xây dựng lực lượng đánh Pháp lâu dài. Bởi vậy khi căn cứ Ba Đình bị bao vây và cô lập (1-1-1887), nghĩa quân đã chủ động rút lên căn cứ Mã Cao nhằm tạo điều kiện củng cố và phát triển lực lượng để có thể tiếp tục duy trì cuộc chiến đấu. Nhưng vừa tới Mã Cao chưa kịp chấn chỉnh đội ngũ, nghĩa quân đã bị giặc Pháp truy đuổi ráo riết. Trong tình thế khó khăn đó, nghĩa quân phải vừa chiến đấu cầm cự, vừa rút lui về phía tây và cuối cùng đã bị kẻ thù đánh bại. Trước sức tấn công áp đảo của địch, nghĩa quân hầu như tan rã hoàn toàn. Các thủ lĩnh người bị hy sinh như Nguyễn Khế, người tự sát như Phạm Bành. Còn Hà Văn Mao, vị thủ lĩnh nổi tiếng dũng cảm và tài ba của đồng bào Mường bị bắt, rồi bị xử tử tại Thanh

(1) Trịnh Nhu, Đinh Xuân Lâm: « Phong trào chống Pháp của đồng bào Mường (Thanh Hóa) qua một số tư liệu mới ». Nghiên cứu lịch sử số 141 (9-1-1975).

Hóa⁽¹⁾. Đến đây giai đoạn thứ nhất của phong trào Cần vương ở Thanh Hóa đã chấm dứt. Nhưng những âm hưởng cuối cùng của nó vẫn còn vang vọng ở núi rừng Thường Xuân và mãi mãi không phai từ miền đồng bằng mà lại từ một vùng trung du, bán sơn địa Hà Nội. Trên cơ sở tập hợp những người yêu nước còn sót lại như Cao Điền, Tôn Thất Hàm, Cầm Bá Thước, đặt dưới sự chỉ huy chung của Tổng Dục Tân.

Với tư cách là người lãnh đạo phong trào chống Pháp ở Thanh Hóa lúc này, Tổng Dục Tân đã xây dựng các đội nghĩa quân và căn cứ kháng chiến ở vùng Hùng Lĩnh. Đồng thời ông cũng có ý thức đặt địa bàn hoạt động của mình trong mối liên hệ với các đội nghĩa quân của Đốc Ngữ ở vùng hạ lưu sông Đà và nghĩa quân Hương Khê ở Nghệ-Tĩnh.

Lúc bấy giờ được sự ủy nhiệm của Phan Đình Phùng, Cao Thắng cũng đang xây dựng lực lượng, tuyển mộ nghĩa quân, tích trữ lương thực, chuẩn bị bước vào thời kỳ chiến đấu quyết liệt với giặc Pháp⁽²⁾. Để tạo thành một địa bàn liên hoàn bảo đảm kế hoạch chiến đấu lâu dài, từ năm 1889 lực lượng nghĩa quân Phan Đình Phùng được chia thành 5 quân thứ, hoạt động ở khắp bốn tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình. Đồng giáp với tỉnh Thanh Hóa là 2 quân thứ ở Nghệ An: Anh thứ (phủ Anh Sơn) do Nguyễn Mậu phụ trách và Diễn thứ (phủ Diễn Châu) do Lê Trọng Vinh chỉ huy. Cầm Bá Thước đứng đầu quân thứ 15 đóng ở Thanh Hóa (gọi là Thanh thứ), có nhiệm vụ tổ chức các cuộc chiến đấu phối hợp với 2 quân thứ ở Nghệ An để chặn đứng các cuộc tiến công của quân Pháp từ đồng bằng lên miền núi hai tỉnh. Cuộc kháng chiến do Cầm Bá Thước lãnh đạo ở miền núi Thanh Hóa, với tư cách là một tướng lĩnh của nghĩa quân Phan Đình Phùng đã góp phần lôi cuốn và thúc đẩy mạnh mẽ phong trào chống Pháp ở miền núi Nghệ-Tĩnh.

Cầm Bá Thước là người Thái, sinh năm Kỷ Mùi (1859) ở làng Trịnh Vạn (nay là xã Vạn Xuân, Thường Xuân, Thanh Hóa). Thân sinh ông là Cầm Văn Tiệp, từng giữ chức Quản cơ dưới triều Nguyễn. Khi thực dân Pháp kéo ra xâm lược và đẩy xéo quê hương⁽³⁾, Cầm Bá Thước đã cùng với Hà Văn Mao mộ binh khởi nghĩa. Trong thời kỳ đầu, ông chiến đấu dưới ngọn cờ của Tổng Dục Tân. Ông đã xây dựng căn cứ kháng chiến ở vùng Trịnh Vạn. Đây là một thung lũng rộng khoảng 3 km², nằm sâu trong vùng rừng núi hiểm trở, núi cao và suối sâu. Từ căn cứ Trịnh Vạn có nhiều đường tỏa đi các nơi, đến Bái Thượng, Như Xuân, hoặc có thể theo các con đường hẻm sang Nghệ An. Tại Trịnh Vạn, Cầm Bá Thước đã cho nghĩa quân xây dựng một hệ thống đồn lũy dày đặc, trong đó có đồn Bù Lẹ là cứ điểm quan trọng nhất⁽³⁾. Ngoài ra còn có các vị trí yểm trợ như Bù Đôn, Đông Chong, Làng Tọt. Nằm sâu ở phía sau Trịnh Vạn là đồn Ngọc Chẽ, Hồn Bông có nhiệm vụ bảo đảm mối liên hệ với Nghệ An, và khi cần thiết có thể lui quân về đây để củng cố lực lượng. Cầm Bá Thước thường xuyên có mặt ở khu vực trung tâm - đồn Bù Lẹ - để trực tiếp chỉ huy các hoạt động đánh địch ở vùng xung quanh.

Hầu hết nghĩa quân là trai tráng các dân tộc ít người ở các châu Thường Xuân, Như Xuân, Lang Chánh, Ngọc Lặc và một bộ phận người Thái ở miền núi phía tây Nghệ An. Vũ khí của họ chủ yếu là dao mác, cung nỏ và một số súng trường loại 1874 của Pháp do nghĩa quân Phan Đình Phùng cướp được.

(1) Dương Kinh Quốc: «Việt Nam. Những sự kiện lịch sử», Tập 1 (1858 - 1896), NXB Khoa học xã hội, H. 1981, tr 305.

(2) Đinh Xuân Lâm - Phan Trọng Báu: «Cao Thắng với phong trào yêu nước cuối thế kỷ XIX», Nghiên cứu lịch sử số 164 (9 - 10/1975).

(3) Nguyễn Tài Sảng: «Cầm Bá Thước và những ngày cuối cùng của phong trào Cần vương ở Thanh Hóa», Nghiên cứu lịch sử số 141 (9 - 10/1978).

Dưới ngọn cờ của Cầm Bá Thước, phong trào đấu tranh yêu nước chống Pháp của đồng bào miền núi Nghệ - Tĩnh ngày càng phát triển, tiêu biểu nhất là các đội nghĩa quân của Đốc Hạnh, Đốc Thiệt ở vùng Quỳnh Châu, Quế Phong. Trên thực tế, hầu hết các hoạt động chống Pháp ở miền núi phía nam Nghệ An trong nhiều năm đều có sự chỉ đạo chặt chẽ của Cầm Bá Thước. Và bản thân Cầm Bá Thước, bằng những hành động cụ thể, tự khẳng định là người thống lĩnh toàn bộ phong trào Cần vương ở vùng núi Thanh - Nghệ.

Đốc Hạnh là người Thái, tên thật là Lang Văn Hạnh, quê ở Kẻ Bọn, Tân Lạc (nay là xã Châu Hạnh, huyện Quỳnh Châu), xuất thân trong một gia đình giàu có, giỏi võ nghệ. Đốc Hạnh đã từng làm Quản bảo nên còn được gọi là Quản Hạnh. Cuối năm 1885 thực dân Pháp lên xâm chiếm bản mường, Đốc Hạnh đã phối hợp với Đốc Thiệt chiêu tập nghĩa quân, vận động đồng bào các dân tộc miền núi Nghệ An đứng dậy đánh Pháp gìn giữ quê hương.

Đốc Thiệt vốn là bạn và cùng có hoàn cảnh giống như Đốc Hạnh. Ông tên thật là Lang Văn Thiệt, người Thái ở bản Chiềng, làng Gia Hội, tổng Đồng Lạc (nay là xã Châu Hội, huyện Quỳnh Châu). Bố là Lang Văn Thủ, làm võ quan dưới triều Tự Đức. Thiệt là con trai đầu, và ba em gái, mà người em út Lang Thị Tư về sau là vợ kế của Cầm Bá Thước. Bản thân Đốc Thiệt cũng thường xuyên ra Thanh Hóa giao du với bè bạn và đã lấy vợ ở đó. Vợ ông sinh trưởng trong một gia đình quan chức ở xã Thanh Lâm, Thường Xuân, Thanh Hóa⁽²⁾. Đó là những lý do góp phần tạo nên mối liên minh vững chắc và bền lâu giữa Đốc Thiệt với Cầm Bá Thước và phong trào chống Pháp ở Thanh Hóa. Thêm vào đó trong thời gian này thực dân Pháp đang tìm cách tăng cường can quét, mở rộng phạm vi đánh chiếm lên khu vực miền núi phía tây Thanh - Nghệ. Vì vậy yêu cầu khách quan của phong trào kháng

chiến ở hai tỉnh là phải nhanh chóng liên kết, thống nhất các phong trào trên vùng núi thành một phong trào rộng lớn, liên hoàn để có thể chặn đứng các đòn tiến công của kẻ địch.

Cho nên sau khi thỏa thuận với Cầm Bá Thước, Đốc Thiệt cùng với Đốc Hạnh ra sức vận động thanh niên dân bản sắm sửa vũ khí, gia nhập các đội nghĩa quân chuẩn bị đánh Pháp. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, chỉ sau một thời gian ngắn, lực lượng Đốc Thiệt lên tới 300 người chia thành 6 đội. Đội 1 và đội 2 đóng ở Bù Cầm và Phà Dài, đặt dưới quyền của Đốc Hạnh. Còn 3 đội khác chốt ở Đò Ham do Đốc Thiệt chỉ huy. Đò Ham là tên của một núi đất không cao lắm, nằm ngay cạnh sông Hiếu. Trên đỉnh núi có một khoảng đất bằng phẳng, rộng chừng 1 ha, cây cối mọc um tùm. Từ trên đỉnh núi nghĩa quân có thể quan sát được hoạt động của thuyền bè dịch trên một đoạn sông khá dài. Đội quân thứ 6 đóng chốt ở hang Tùng Cơm, cách Đò Ham 2 km về phía tây nam, do Đội Dừng phụ trách. Đội Dừng tên thật là Lữ Văn Dừng⁽³⁾, quê ở Thanh Lâm, Thanh Hóa. Ông được giao nhiệm vụ thường xuyên vận chuyển lương thực, vũ khí sang căn cứ Trịnh Vạn và sẵn sàng yểm trợ cho nghĩa quân Cầm Bá Thước. Đội Dừng là người gần gũi và tin cậy nhất của Đốc Thiệt.

Năm 1886 được tin Tôn Thất Thuyết trên đường sang Trung Quốc có đi qua phủ Quỳnh, Đốc Thiệt đã trực tiếp xuống kẻ Dinh⁽⁴⁾ yết kiến và đưa ông sang

(1) Trịnh Nhu, Đinh Xuân Lâm. «Tìm hiểu thêm về truyền thống chống thực dân Pháp xâm lược của đồng bào Thái (Thanh Hóa)», Dân tộc học số 1/1976.

(2) Đặng Đình Khai - «Lang Văn Thiệt» in trong tập «Danh nhân Nghệ-Tĩnh», tập III, NXB Nghệ Tĩnh, 1984, tr. 121.

(3) Hiện nay con cháu ông vẫn còn ở Nà Cỏ, Thanh Lâm, Thanh Hóa.

(4) Kẻ Dinh tức là thị trấn nằm gần. Nông trường 3-2 hiện nay.

Thanh Hóa gặp Cầm Bá Thước⁽¹⁾. Trên đường đi, Đốc Thiệt được Tôn Thất Thuyết giao cho nhiệm vụ tổ chức nhân dân chống Pháp ở miền núi phía tây Nghệ An và giúp đỡ phong trào kháng chiến của Cầm Bá Thước ở Thanh Hóa. Sau khi trở lại căn cứ, Đốc Thiệt nêu ra ba mục tiêu cơ bản cho phong trào của ông là:

- Không cho nhân dân đem nộp làm sản quý cho Pháp.
- Quyết tâm hiệp lực với nghĩa quân Cầm Bá Thước.
- Kiên quyết giữ vững bản làng.

Trong bộ chỉ huy nghĩa quân, ngoài Đốc Thiệt, Đốc Hạnh, còn phải kể đến Quân Thông (tức Lang Văn Ot) và Quân Thụ (tức Lang Văn Thụ) là hai người dày dặn kinh nghiệm và có công đánh đuổi giặc Xá trước đây. Hai ông được cử về xây dựng đồn trại ở Mường Pôn, Kim Diên (nay là Quế Phong) để bảo đảm an toàn cho khu vực phía tây của căn cứ chính.

Đề cô lập giặc Pháp ở vùng đồng bằng, Đốc Thiệt đã điều quân lên rừng lấy gỗ, nứa, bện dây son rồi đem chận ngang dòng sông Hiếu, không cho bọn tay sai chở lương thực và làm sản quý xuống miền xuôi nộp cho Pháp. Bại về dưới đây đã mô tả khá sinh động các hoạt động này:

«Đốc Thiệt người khôn khéo sáng tạo,
Người chiêu binh, lập ấp, đóng đồn
Đồ Ham.

Có cả Đội Dương, Kẻ Ninh cùng qua
Đốc Thiệt hợp quân.

Đốc Thiệt cho quân vào rừng lới chạc
sông,

Chạc song ta kéo qua sông rộng dài.
Ai đi qua không dừng, lính tới giết
ngay.

Ai đem đồ quý ngà voi, mật ong, gỗ
quý nộp quan Tây,

Lính yêu cầu người đó đem ngay trở về,
Không nghe ông chém lia đầu kẻ
gian»⁽²⁾

Do có nhiều công lao trong việc tổ chức phong trào chống Pháp, Đốc Hạnh và Đốc Thiệt được Cầm Bá Thước phong chức Đốc binh kèm theo ấn kiếm và một tờ trát gửi cho hào mục làng Gia Hội. Tờ trát đề ngày 25 tháng 8 năm Hàm Nghi thứ 5 (1889) được ghi như sau:

«Hàn lâm viện sung chức Tán tương quân vụ quân thứ Thanh Hóa là Cầm Bá Thước cấp trát này cho hào mục xã Gia Hội, phủ Quỳnh châu, hạt Nghệ An chấp chiếu.

«Bấy lâu nay quân binh khởi nghĩa, có Đốc binh xã này là Lang Văn Thiệt là một người vốn có hảo tâm nghĩa hiệp giúp đỡ. Vậy cấp trát giao cho xã này lưu giữ. Nếu có quan quân tới (chỉ quân của Cầm Bá Thước - TG) thì đem trát ra trình đề họ được biết».

Trong thời gian này lực lượng nghĩa quân Thanh - Nghệ liên tiếp tổ chức những cuộc tấn công quân Pháp, đồng thời mở rộng địa bàn hoạt động ra hầu khắp vùng núi của hai tỉnh. Ở phía Nam Nghệ An, Đề Niên và Đề Vinh (bộ phận còn sót lại của nghĩa quân Nguyễn Xuân Ôn) đang giành được thắng lợi lớn và có xu hướng hợp quân với Phan Đình Phùng đánh thẳng xuống đồng bằng Hà Tĩnh. Cuối tháng 4-1890 Đốc Hạnh và Đốc Thiệt đã phối hợp với Đề Niên và Đề Vinh chặn đánh quân Pháp ở đồn Đồ Ham. Nhiều lần Đốc Thiệt trực tiếp đem những toán quân nhỏ, trang bị nhẹ, đi thuyền xuôi Nghĩa Đàn để dò la và tập kích địch. Tháng 7-1890 Đốc Thiệt lại tổ chức tập kích quân Pháp ở phủ Quỳnh Châu⁽³⁾.

Tại Thanh Hóa, đội nghĩa quân Hùng Lĩnh cũng mở rộng địa bàn hoạt động lên giáp hạ lưu sông Đà và khắp vùng

(1) Có ý kiến nêu Đốc Thiệt đưa vua Hàm Nghi (chứ không phải là Tôn Thất Thuyết) là sai.

(2) «Về Đốc Thiệt». Tư liệu Khoa Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

(3) Xem: Daufès «Lịch sử đội lính khố xanh Đông Dương» (bản dịch), Tư liệu khoa Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội.

trúng du. Nhưng từ sau trận Thanh Khoái (31-5-1890) nghĩa quân ngày càng suy yếu, phải rút lên vùng núi, khu vực Cửa Đạt - Trịnh Vạn, quê hương của Cầm Bá Thước để củng cố lực lượng, tiếp tục chiến đấu. Cầm cự thêm được hơn 2 năm, đến đầu tháng 10-1892 Tổng Duy Tân bị bắt, rồi bị giết. Đến đây phong trào chống Pháp ở Thanh Hóa nằm trọn trong tay Cầm Bá Thước. Phải gánh vác một trọng trách nặng nề, Cầm Bá Thước càng lo lắng củng cố và phát triển lực lượng kháng chiến. Ngoài việc tiến hành nghiên cứu tình hình, thu phục nhân tâm, chiêu mộ thêm nghĩa quân, Cầm Bá Thước còn vào tận Nghệ An để quyên tiền, sang Sầm Sơn (Lão) liên hệ với những thổ ty quen biết, nhằm xây dựng căn cứ thứ hai làm cơ sở hậu cần và tiếp viện cho căn cứ chính⁽¹⁾.

Nhưng lúc này thực dân Pháp chủ trương tập trung lực lượng kéo lên bao vây và tiêu diệt nghĩa quân Cầm Bá Thước ở Trịnh Vạn. Vì thế Đốc Thiệt quyết định điều quân sang Thanh Hóa cùng phối hợp tác chiến và chia lửa với Cầm Bá Thước. Ông phái đội Dũng sang đóng đồn ở Nà Cá (thuộc xã Thanh Lâm, huyện Thường Xuân) Ông còn gửi hàng chục gánh quần áo, lương thực sang căn cứ Trịnh Vạn giúp Cầm Bá Thước. Đặc biệt trong trận phối hợp tác chiến ở Suối Tật, quân Đốc Thiệt đã chịu thiệt hại không ít để bảo vệ nghĩa quân Cầm Bá Thước khỏi bị tiêu diệt.

Trong hoàn cảnh ngày càng có nhiều khó khăn: Đốc Hạnh đã làm phản, và nhất là thực dân Pháp đang chủ trương khai thông con đường từ Nghĩa Đàn qua Thanh Hóa, Đốc Thiệt quyết định bỏ đồn Đò Ham, kéo quân về làng Thanh Nga xây dựng căn cứ mới. Công việc chuyển rời căn cứ tiến hành hết sức bí mật và khó khăn:

«Đường đi thật là khó khăn, leo lên đồi đất thật là gian nan.

Dù núi cao ta cũng cứ vượt lên

Đến hâu Mơn thì gà và gáy sáng»⁽²⁾

Cùng với việc khẩn trương xây dựng đồn trại ở làng Thanh Nga. Đốc Thiệt còn điều đội quân của Quản Thông, Quản Thụ ở Quế Phong về chốt ở Bù Choai (nay là Bù Cho) sẵn sàng đón chờ Cầm Bá Thước. Đội quân của Đội Dũng ở Nà Cá (Thường Xuân) cũng được bổ sung thêm lực lượng. Không những thế, Đốc Thiệt còn cử thêm Lữ Văn Ba và Hà Văn Ôn sang Thanh Hóa xây dựng các đồn lẻ ở Sảng Kho, phối hợp với nghĩa quân Cầm Bá Thước bảo vệ căn cứ Trịnh Vạn.

Ở Thanh Hóa, sau khi nghĩa quân Hùng Lĩnh tan rã (1892) chỉ còn có nghĩa quân Cầm Bá Thước, hoạt động trên vùng núi Thường Xuân. Tình hình đó khiến cho giặc Pháp càng có điều kiện mau chóng dồn ép nghĩa quân vào thế bị cô lập. Năm 1893 trước những khó khăn không thể khắc phục, Cầm Bá Thước phải tạm ra hàng Pháp. Nhưng sau khi đã chấn chỉnh và bổ sung thêm lực lượng, ông lại tiếp tục hoạt động. Tháng 6-1894 ông chỉ huy 150 nghĩa quân tấn công vào đồn Thọ Sơn⁽³⁾ (cách Bãi Thượng 10 km), thu thắng lợi lớn. Đây là thành tích đáng kể nhất của nghĩa quân Cầm Bá Thước trong những ngày chiến đấu cuối cùng. Nghĩa quân còn thường xuyên tổ chức hoạt động quấy rối các đường giao thông của địch từ Cửa Đạt đến Bãi Thượng.

Trong một thời gian khá dài phải lo đàn áp các phong trào kháng chiến ở vùng đồng bằng Thanh Hóa, thực dân Pháp chỉ có thể sử dụng bọn tay sai để phá hoại phong trào như dùng Cao Ngọc Lễ bắt Tổng Duy Tân, hoặc dùng Tri phủ Sầm Văn Hào dụ hàng Đốc Hạnh và lung lạc Đốc Thiệt... Nhưng đến giữa tháng 8-1894 Pháp tập trung một lực lượng lớn, quyết tâm tiêu diệt nghĩa quân Cầm Bá Thước ở Trịnh Vạn.

(1) Xem thêm: Nguyễn Tài Sáng: Bài đã dẫn.

(2) «Về Đốc Thiệt», đã dẫn

(3) Trong cuốn «Những kỷ ức về xứ Trung Kỳ và xứ Bắc Kỳ» của J. Masson cũng nói đến trận này.

Đoán được ý đồ của giặc, Đốc Thiệt chia quân thành các đội nhỏ rồi phối hợp với Cầm Bá Thước tổ chức phục kích địch trên đường chúng tiến vào căn cứ. Trong trận chặn giặc ở Đà Giang, nghĩa quân Đốc Thiệt bị tổn thất nặng. Viên đội chỉ huy và phần lớn nghĩa quân đã anh dũng hy sinh. Bộ phận còn lại phải rút về Thanh Nga cố thủ.

Trong nửa năm từ tháng 11-1894 đến tháng 5-1895, Pháp đã huy động ba đội quân lần công vào các căn cứ của nghĩa quân từ Cửa Đạt đến Trịnh Vạn, rồi Lăng Cúc, nhưng vẫn không bắt được thủ lĩnh của nghĩa quân. Cuối cùng trưa ngày 13 tháng 5 sau một trận quyết chiến với địch, Cầm Bá Thước cùng vợ, em trai và 12 nghĩa quân đã sa vào tay giặc tại vùng núi Thương Xuân. Cuối năm đó ông bị giặc Pháp đem ra xử tử.

Sau khi căn cứ kháng chiến ở miền núi Thanh Hóa tan vỡ, những toán quân cuối cùng của Đốc Thiệt ở Nghệ An cũng nhanh chóng bị tiêu diệt. Còn Đốc Thiệt bị bọn tay sai Sầm Văn Hào giết hại tại đôn Thanh Nga⁽¹⁾. Về những ngày cuối cùng của nghĩa quân Đốc Thiệt, «Truyện Giặc Xá» kể lại rằng: «(Lúc bấy giờ) Tân Thước (chỉ Cầm Bá Thước—TG) chỉ huy những người văn thân khởi nghĩa bị thua liểng xiểng, ở Quê Phong ông Thông, ông Thụ không cho tràn vào, ở Thanh Nga Đốc Thiệt cùng Đội Quang chốt giữ, đánh nhau ở Đá Giang với Tây. Quân ông Thiệt chết như rạ, quan Tây ở Nghĩa Đàn reo mừng mở tiệc, dân bản thì thương tiếc ông»⁽²⁾.

Cái chết của Đốc Thiệt diễn ra không bao lâu sau bản án tử hình của Cầm Bá Thước, là những tổn thất lớn của phong trào chống Pháp ở miền núi Thanh—Nghệ. Đó cũng là tiếng súng kết thúc thời kỳ Cần vương chống Pháp trên miền núi hai tỉnh, cũng như trong cả nước ta.

Rõ ràng là cuộc kháng chiến chống Pháp của Cầm Bá Thước—Đốc Thiệt ở miền núi Thanh—Nghệ thuộc loại phong trào Cần vương bùng nổ sớm, và kéo dài nhất trong phạm vi cả nước. Ngay

sau khi nghe tin vua Hàm Nghi ban bịch Cần vương kêu gọi văn thân, sĩ phu, nhân dân nổi dậy chống Pháp, Cầm Bá Thước là đi tìm những người tâm huyết, vận động đồng bào các dân tộc miền núi tham gia khởi nghĩa. Ông còn vào Nghệ An nghiên cứu tình hình, dò la tin tức, thu phục những người yêu nước và có tài trí vào lực lượng kháng chiến của mình; trong đó có Lang Văn Thiệt, Lang Văn Hạnh:

«Khéo tìm người sức mạnh hiệp được với Tân Thước

Họ mới có sức ra chống Tây.

Thước mới sang đường Nghệ đến phủ Quỳnh Châu,

Tìm được hai tướng và làm bạn với họ.

Phó Đốc binh là ông Hạnh.

Chánh Đốc binh là ông Thiệt»⁽³⁾.

Dựa trên những quan hệ gia đình, thân thuộc và nhất là xuất phát từ yêu cầu khách quan của công cuộc kháng chiến lúc đó, Cầm Bá Thước đã nhanh chóng vận động, liên kết được với Đốc Thiệt và Đốc Hạnh; rồi bằng tài năng và uy tín của mình ông đã thành vị thủ lĩnh cao nhất chỉ huy toàn bộ phong trào chống Pháp ở miền núi Thanh—Nghệ. Trong suốt những năm chống Pháp, Cầm Bá Thước luôn luôn cố ý thức và cố gắng tìm mọi biện pháp để xây dựng và củng cố khối liên minh chiến đấu giữa các dân tộc miền núi Thanh Hóa với miền núi Nghệ Tĩnh do Đốc Thiệt đứng đầu. Và cũng nhờ được sự ủng hộ, sự giúp đỡ hết lòng, có hiệu quả của Đốc Thiệt, nghĩa quân Cầm Bá Thước mới có đủ khả năng duy trì cuộc chiến đấu trong suốt 10 năm, trước những đòn tiến công ngày càng khốc liệt của quân thù.

(Xem tiếp trang 60)

(1) Về cái chết của Đốc Thiệt, xin xem thêm bài «Lang Văn Thiệt». Sđd

(2) «Truyện Giặc Xá», Tư liệu Khoa Sử, Đại học Tổng hợp Hà Nội

(3) «Về Đốc Thiệt», đã dẫn.

TÌM HIỂU CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG VĂN HÓA NÔ DỊCH TRONG VÙNG BỊ TẠM CHIẾM THỜI KỲ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945 — 1954)

ĐỖ THỊ NGUYỆT QUANG

TRONG 9 năm kháng chiến toàn dân toàn diện chống thực dân Pháp (1945 — 1954), vấn đề đấu tranh chống văn hóa nô dịch ở vùng bị tạm chiếm thường xuyên được đặt ra gắn liền với cuộc đấu tranh ở vùng tự do

nhằm xây dựng nền văn hóa mới và tẩy trừ những tàn tích của nền văn hóa cũ. Những kết quả thu được không nhỏ đã góp phần tích cực vào thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ.

I

Sau thất bại thảm hại ở Việt Bắc (12-1947) thực dân Pháp bắt đầu chuyển hướng chiến lược chiến tranh: từ đánh nhanh, thắng nhanh sang đánh lâu dài, thực hiện chính sách «lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt»: từ mở rộng vùng chiếm đóng sang củng cố vùng chiếm đóng. Từ năm 1948, để phục vụ cho âm mưu xâm lược, bên cạnh việc mở trường học, khoa thi đề cử đỗ thanh niên vùng chúng kiểm soát mà chủ yếu là học sinh, sinh viên, tri thức, thực dân Pháp đã tung ra hàng loạt sách báo, phim ảnh khiêu dâm, đồi bại với nội dung phản tuyên truyền gây chiến và những chuyện giật gân như ngoại tình, tự tử... Từ năm 1950, cùng với sự tăng cường can thiệp của đế quốc Mỹ vào Việt Nam, văn hóa phản động dâm ô của Mỹ cũng bắt đầu xâm nhập sâu vào vùng bị tạm chiếm. Nhiều tạp chí như «Sống trước đã», «Cảm giác»... và các bộ phim «Thoát y vũ», «Đêm ở Balé»... được quảng cáo và trưng bày la liệt. Những tiểu thuyết như «Đời thông hai mộ», «Đoạn tuyệt»,

«Cầu sương» và «Quán gió» được in đi in lại nhiều lần và được quảng cáo âm ỉ. Bên cạnh đó, chúng còn cho phát hành các sách báo, phim ảnh chống cộng sản hết sức phản động, vu khống các nước xã hội chủ nghĩa và nói xấu cuộc kháng chiến của nhân dân ta, mà tiêu biểu là cuốn «Tôi chọn tự do» và bộ phim «Bức màn sắt».

Ngoài ra, các phòng thông tin Mỹ, Pháp được mở tại Hà Nội, Hải Phòng và Sài Gòn thường xuyên trưng bày nhiều tranh ảnh và tài liệu chống cộng sản, truyền bá văn hóa ngu dân, đồi trụy. Các tờ báo tay sai của đế quốc Mỹ và thực dân Pháp như tờ Tia sáng, Phương đông... ra sức ca tụng Mỹ, mạt sát cộng sản, gieo hoang mang trong quần chúng và lừa gạt tầng lớp thanh niên, học sinh. Trong các thành phố bị tạm chiếm chúng còn cho mở công khai nhiều tiệm hút, hộp đêm, nhà chứa, sòng bạc các kiểu để lôi kéo thanh niên vào con đường tội lỗi. Chỉ riêng Hà Nội đến đầu 1949 đã có tới 500 hộp đêm⁽¹⁾. Nạn mại dâm, cao bồi lan tràn. Về các loại

Với Phân ban Hunggari của Hội đồng, trong Hội thảo chuyên đề về « Phép biện chứng giữa cái chung và cái riêng trong quá trình cách mạng », đoàn Việt Nam đã phát biểu về « 30 năm đấu tranh thắng lợi của cách mạng Việt Nam », nói lên cái đặc thù của Việt Nam trong cái chung của cách mạng vô sản thế giới. Với Phân ban Cộng hòa Dân chủ Đức, trong Hội thảo về « Giai cấp công nhân trong quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc », đoàn Việt Nam đã tham luận về: « Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam trong quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, giải phóng dân tộc ». Với Phân ban Liên Xô trong Hội đồng, năm 1981 nhân Hội thảo chuẩn bị cho Đại hội lần thứ 26 Đảng Cộng sản Liên Xô, Phân ban Việt Nam đã phát biểu về: « Giai cấp công nhân Việt Nam trong phong trào công nhân quốc tế » và viết bài đăng trên Tạp chí Á Phi của Liên Xô tháng 2-1981 về: « Con đường đấu tranh gian khổ nhưng vinh quang của nhân dân Campuchia để đi tới thắng lợi ». Năm 1983 nhân Hội thảo ở Liên Xô về: « Ảnh hưởng tư tưởng của Các Mác đối với tư tưởng chính trị hiện đại », Phân ban Việt Nam đã tham luận về: « Con đường tiến lên của một số nước châu Á dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và của Cách mạng tháng 10 vĩ đại ». Năm 1984 đóng góp vào Hội thảo về: « Nhiệm vụ của Công đoàn trong đấu tranh chống chiến tranh, vì quyền lợi ông còn của nhân dân lao động », Phân ban Việt Nam đã tham luận về: « Công nhân Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, bảo vệ hòa bình ». Năm 1985 nhân Hội thảo kỷ niệm lần thứ 40 ngày chiến thắng chủ nghĩa phát xít thế giới, phía Việt Nam đã đóng góp tham luận về: « Chiến thắng phát xít của nhân dân Việt Nam và ảnh hưởng của nó tới phong trào giải phóng dân tộc ở các châu Á, Phi, Mỹ la-tinh ». Đồng thời đóng góp phần cùng với đoàn đại biểu của Hội đồng Quốc tế đi dự Đại hội của Phong trào công nhân quốc tế

hợp ở Paris, tháng 7-1985 do Viện sĩ T. Timôphêp làm Trưởng đoàn, Phân ban Việt Nam đã gửi tham luận (do Chủ tịch Hội đồng T. Timôphêp yêu cầu) về: « Công nhân nông nghiệp Việt Nam trước và sau đại chiến thế giới lần thứ hai »...

Một số tham luận kể trên đã được sử dụng và công bố trên các sách, báo, kỷ yếu của Hội đồng ở Liên Xô và ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Cuộc họp toàn thể Ban Chấp hành Hội đồng tháng 5-1985 vừa qua ở Mátxcơva đã kiểm điểm lại việc thực hiện kế hoạch 5 năm 1981-1985, khẳng định sự thành công tốt đẹp của kế hoạch 5 năm và sự đóng góp tích cực của Hội đồng vào các hoạt động khoa học của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Hội đồng lại định ra kế hoạch khoa học cho 3 năm tới (1986-1990) với ba phương hướng chính là:

1. Sự phát triển của giai cấp công nhân và những vấn đề về tổ chức của phong trào công nhân.
2. Phong trào công nhân và đấu tranh cho dân chủ ở các nước tư bản chủ nghĩa.
3. Những vấn đề tư tưởng chính trị của quá trình cách mạng thế giới và giai cấp công nhân.

Phân ban Việt Nam đã nhận tham gia thực hiện phương hướng thứ ba của Hội đồng, mà đề tài cụ thể là: « Những vấn đề về đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và phát triển tình đoàn kết quốc tế vô sản của nhân dân lao động ». Đề tài này do Liên Xô và Cuba chủ trì, có Việt Nam, Mông Cổ, Cộng hòa Dân chủ Đức... tham gia.

Từ khi tham gia Hội đồng, phía Việt Nam đã tiếp thu được nhiều thành quả nghiên cứu của các thành viên trong Hội đồng, đã phát huy những kết quả thu lượm được vào việc kiến nghị với Đảng và Nhà nước ta về một số vấn đề có quan hệ đến phong trào công nhân và công đoàn, đã học tập kinh nghiệm để đẩy mạnh công tác nghiên cứu và

biên soạn *Lịch sử giai cấp công nhân và phong trào công nhân ở Việt Nam*, tham gia giúp đỡ các địa phương nghiên cứu, biên soạn lịch sử phong trào công nhân, lịch sử các xí nghiệp, cũng như đóng góp vào việc xây dựng lịch sử Đảng và lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam ở cả trung ương và địa phương. Đồng thời Nhân dân Việt Nam cũng góp phần tích cực của mình vào việc thực hiện nhiệm vụ chung của Hội đồng đã được Ban Thường vụ Hội đồng đánh giá cao.

Hiện nay phong trào công nhân và công đoàn thế giới đang tích cực chuẩn bị cho lễ kỷ niệm lần thứ 100 ngày Quốc tế lao động (1-5-1886 - 1-5-1986). Lễ kỷ niệm diễn ra đúng vào lúc mà trên trường quốc tế, cuộc đấu tranh cho hòa bình, đòi hạn chế vũ khí hạt nhân và giải trừ quân bị đang diễn ra sôi nổi. Sáng kiến hòa bình của Liên Xô do đồng chí M.X. Gorbachốp Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô đưa ra ngày 15-1 mới đây đang có tiếng vang rộng lớn trên khắp các lục địa: Liên Xô đề nghị một chương trình tổng hợp nhằm từ nay đến cuối thế kỷ này, loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân trên khắp trái đất. Sáng kiến vĩ đại đó của Liên Xô đã thu hút được sự chú ý, sự đồng tình và ủng hộ của hàng triệu, hàng triệu con người trên trái đất. Ngày 21-1 trong buổi tiếp đồng chí B.N. Saplín, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Liên bang các nước xã hội chủ nghĩa Xô viết tại Việt Nam,

Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Việt Nam Trường-Chính đã khẳng định: « Sáng kiến hòa bình vĩ đại này của Liên Xô mở ra cho loài người niềm hy vọng to lớn vào tương lai: một thế giới không có vũ khí hạt nhân, một thế giới trong đó loài người vĩnh viễn thoát khỏi thảm họa hủy diệt hạt nhân. Chương trình hòa bình rộng lớn của Liên Xô là nguồn thúc đẩy mạnh mẽ tất cả các dân tộc trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và an ninh của thế giới ». Biểu thị sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Trường-Chính đã nhấn mạnh « Cùng với cả loài người tiến bộ, nhân dân Việt Nam nhiệt liệt hoan nghênh và hoàn toàn ủng hộ tuyên bố rất quan trọng của đồng chí M.X. Gorbachốp, tích cực góp phần vào cuộc đấu tranh nhằm loại bỏ hoàn toàn vũ khí hạt nhân, giữ vững hòa bình lâu dài trên trái đất và an ninh của các dân tộc ». (Báo Nhân dân 22-1-1986).

Cùng với nhân dân Việt Nam, các nhà khoa học Việt Nam nghiên cứu về giai cấp công nhân và phong trào công đoàn đều vui mừng phấn khởi triển khai kế hoạch nghiên cứu khoa học của mình nhằm góp phần tích cực vào nhiệm vụ chung mà Hội đồng hợp tác nhiều bên đã đề ra và chú trọng đi sâu vào sự nghiệp đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội mà cả nhân loại tiến bộ đang quan tâm đầy mạnh.

Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 1986

PHONG TRÀO CÁN VƯƠNG...

(Tiếp theo trang 45)

Tiểu thuyết, cuộc kháng chiến ngoan cường của đồng bào miền núi Thanh - Nghệ do Cầm Bá Thước và Độc Thiết lãnh đạo đã không giành được thắng lợi. Nhưng cuộc chiến đấu đó đã trực tiếp ngăn chặn và làm chậm kế hoạch bình định của thực dân Pháp lên các vùng

miền núi phía Tây Thanh, Nghệ đồng thời góp phần tô thắm thêm trang sử hào hùng của các dân tộc ít người ở nước ta trong sự nghiệp đấu tranh chống giặc ngoại xâm, gìn giữ và giành lại Độc lập Tự do cho Tổ quốc.

HISTORICAL STUDIES
A BIMONTHLY

Editor in chief: **VĂN TẠO**
Associate Editor
CAO VĂN LƯỢNG
Address: 38, Hàng Chuối, Hà-nội
Tel. N°53200

Number 1 (226)

I - II
1986

CONTENTS

Văn Tào	- Some thoughts on the autochthonous and original character of Vietnamese culture.	1
Nguyễn Duy Hinh	- The Ly ideology.	7
Nguyễn Danh Phiệt	- The 12 local lords and the reunification of the country by Đinh Bộ Lĩnh, continued and the end	16
Nguyễn Quang Ngọc	- Contribution to the location of Thăng Long imperial city under Lý and Trần dynasties and the history of «Thập tam trại».	25
Mai Hồng	- The dating of Tuệ Tĩnh.	34
Nguyễn Văn Khánh	- The anti-French Cần vương movement in upland Thanh-Nghệ late in the XIX century.	39
Đỗ Nguyệt Quang	- Research into the struggle against enslaved culture in French-occupied areas (1945 - 1954).	45
Văn Tào	- Vietnam in the International Council on «The working class in the course of world revolution».	56
Vladimir Miguev	- Mechanized agriculture in Bulgaria in the transitional period of 1944 - 1958.	61
Victor Cumaev	- Historical science in the schools.	70

DOCUMENTS

Đinh Xuân Lâm	- Letter dated 1897 from Đề Thám to the Governor-general of Indochina.	80
Chương Thâu	- Letter from Phan Bội Châu to Cung Kỳ Thao Thiên.	82
Nguyễn Xuân Cẩn	- Nguyễn Cao's birthday	83

BOOK - REVIEW

Phan Ngọc Liên	- «Historical methodology» by E. M. Jukov.	84
-----------------------	--	----

INFORMATION